

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN H
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/03/2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Trần P

Bà Nguyễn Thị Huyền N

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim C - Thư ký TAND quận H– Thành phố H.

Đại diện VKSND quận H tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 13/03/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/ 2016/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2016 về tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2017/QĐXX-ST ngày 11/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2017/QĐST-DS ngày 28/12/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-DS ngày 10/01/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 14/2018/QĐST-DS ngày 30/01/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 08/2018/TB-MLPT ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1987

HKTT: phường G, quận T, thành phố H

Hiện cư trú tại: phường N, Quận B, Thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: Anh Vũ Hoàng L, sinh năm: 1986

HKTT: phường G, quận T, thành phố H

Hiện cư trú tại: phường B, quận H, thành phố H.

Có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Hoàng H, sinh năm: 1959 (vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bà Đoàn Thị Bích L, sinh năm: 1964 (có mặt tại phiên tòa)

Cùng HKTT: phường G, quận T, thành phố H

Cùng cư trú tại: phường G, quận T, thành phố H

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Phong N, Lê Thị Huyền T và luật sư Nguyễn Thị Thu H – Công ty luật T. Luật sư T có mặt tại phiên tòa, Luật sư N và Luật sư H xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật gia Hạ Thị Hồ H – Đoàn luật gia H.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Vũ Hoàng L kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận T, Thành phố H ngày 21/01/2008, trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống. Chị C xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên xin được ly hôn. Anh L cũng xác nhận vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin ly hôn thì anh cũng đồng ý, thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị C, anh L cùng thống nhất trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là: Vũ Hà A sinh ngày 15/11/2011. Cháu Vũ Thanh Thanh C, sinh ngày 09/2/2015.

Chị C có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền nuôi con. Hiện nay chị C làm kinh doanh là Tổng giám đốc công ty C, thu nhập một tháng là 100.000.000 đồng/tháng. Chị C đảm bảo sẽ chăm lo đầy đủ cuộc sống cho hai con. Hiện cả 02 con chung đang ở với chị C, cháu lớn đang học tại trường Q tại thành phố H. Chị C đang là Giám đốc Công ty L.

Anh L có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Hà A. Hiện 02 con chung đang ở với mẹ, nếu được giao quyền nuôi con chung thì anh sẽ đảm bảo cuộc sống cho cháu. Thu nhập bình quân của anh là 70.000.000 đồng/tháng. Hiện nay anh đang làm Giám đốc chi nhánh miền Bắc của Công ty H.

Về tài sản và nhà ở chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung. Anh L có đơn đề nghị chia tài sản chung đề ngày 25/5/2016 có nội dung:

1. Khoản tiền 1.736.000.000 đồng đã đóng để mua căn hộ P, địa chỉ: phường M – quận H – thành phố H. Anh L đề nghị đ-ợc chia một nửa số tiền này là: 868.000.000 đồng.
2. Khoản tiền 1.510.000.000 đồng đã đóng để mua căn hộ S. Anh L đề nghị đ-ợc chia một nửa số tiền này là: 755.000.000 đồng.
3. Khoản tiền mua xe C trả góp cho Xí nghiệp T. Anh L đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số tiền 400 triệu đồng vợ chồng bỏ ra để mua xe.
4. Khoản tiền mua xe M, hiện chị C đang sử dụng. Khi mua xe giá 04 tỷ đồng. Giá trị hiện tại anh L tự đánh giá là còn khoảng 03 tỷ đồng. Anh L đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số tiền này là 1.500.000.000 đồng.

Ý kiến của chị C đối với các yêu cầu về việc chia tài sản chung của anh L: chị C không chấp nhận đối với tất cả các yêu cầu về việc chia tài sản chung của anh L.

Ngày 12/12/2017 Tòa án nhận được đơn đề nghị của anh Vũ Hoàng L đề ngày 13/11/2017 xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

Về công nợ chung:

Tại đơn đề nghị chia tài sản chung đề ngày 25/5/2016, anh Vũ Hoàng L đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị C phải trả cho bố mẹ anh số tiền 500 triệu đồng theo giấy vay tiền đề ngày 08/11/2013.

Anh L trình bày: Vợ chồng anh có vay của bố mẹ để anh là ông Vũ Hoàng H và bà Đoàn Thị Bích L số tiền là 01 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh. Mặc dù giấy vay đề là 1,5 tỷ đồng, nhưng thực tế anh chị mới nhận của bố mẹ số tiền là 01 tỷ đồng.

Thực chất số tiền này chị C nhận toàn bộ và đầu tư thành lập công ty L. Nay anh chị ly hôn, mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bố mẹ anh 500 triệu đồng. Chị C xác nhận vợ chồng chị có vay của bố mẹ chồng là ông Vũ Hoàng H và bà Đoàn Thị Bích L số tiền là 01 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh. Chị đồng ý trả cho ông H và bà L số tiền 500 triệu đồng. Hiện chị không có khả năng trả ngay nên chị đề nghị được trả dần số tiền này cho đến khi hết số nợ.

Ông Vũ Hoàng H và bà Đoàn Thị Bích L có đơn yêu cầu độc lập và thống nhất trình bày: Ông bà có cho anh L và chị C vay số tiền là 01 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh. Hai bên có viết giấy vay tiền đề ngày 08/11/2013. Ông bà yêu cầu anh chị mỗi người trả cho ông bà 500 triệu đồng. Ông bà tự nguyện không yêu cầu anh chị L C phải trả số tiền lãi của số nợ trên.

Ngày 20/11/2017, Tòa án nhận được đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim C với nội dung cụ thể như sau:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung đối với Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/8/2015 với nội dung vay số tiền là: 4.972.934.733 đồng trong thời hạn vay là 300 tháng.
- Yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ 04 tỷ đồng với bà Đỗ Thị M.
- Yêu cầu anh L cùng chi trả các khoản chi phí để nuôi dạy hai bé Vũ Hà A và Vũ Thanh Thanh C (có bảng kê chi tiết kèm theo).

Ngày 04/12/2017 Tòa án nhận được đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim C có nội dung xin rút toàn bộ các yêu cầu trong đơn yêu cầu ngày 20/11/2017.

Ngoài khoản công nợ trên, chị C và anh L xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 30/01/2018, chị C đề nghị được hoãn phiên tòa, chị thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết khoản nợ chung của chị và anh L đối với Ngân hàng T và của di ruột chị là bà M, các khoản tiền học và sinh hoạt phí của 02 con chung trong thời gian

qua. Do chị C thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện nên anh L cũng bổ sung yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết tất cả các vấn đề liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Ngày 12/02/2018, Tòa án nhận được đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị Kim C có nội dung xin rút toàn bộ các yêu cầu đã thay đổi, bổ sung tại phiên tòa ngày 30/01/2018. Chị chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh L và xin nuôi cả 02 con chung. Ngoài ra chị không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Ngày 27/02/2018, Tòa án nhận được đơn đề nghị của anh Vũ Hoàng L xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Anh chỉ đề nghị xử việc ly hôn giữa anh và chị C, giải quyết cho anh được nuôi 1 trong 2 con chung, giải quyết khoản nợ chung 01 tỷ đồng anh chị vay của bố mẹ đẻ anh. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa:

Chị C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu ngày 12/02/2018. Chị xin được ly hôn với anh L và xin được nuôi cả 02 con chung. Chị thay đổi về tiền cấp dưỡng nuôi con, cụ thể nếu chị được nuôi cả 02 con chung chị yêu cầu anh L phải đóng góp từ 15 – 20 triệu đồng/tháng để nuôi cả 02 con chung. Về khoản nợ 500 triệu đồng đối với ông H và bà L chị xác nhận đúng nhưng chị không có điều kiện để trả. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác. Chị vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút toàn bộ yêu cầu:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung đối với Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/8/2015 với nội dung vay số tiền là: 4.972.934.733 đồng trong thời hạn vay là 300 tháng.
- Yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ 04 tỷ đồng với bà Đỗ Thị M.
- Yêu cầu anh L cùng chi trả các khoản chi phí để nuôi dạy hai bé Vũ Hà A và Vũ Thanh Thanh C (có bảng kê chi tiết kèm theo).

Anh L giữ nguyên ý kiến của mình, xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Anh đồng ý ly hôn với chị C, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi 1 trong 2 con chung, anh không yêu cầu chị C đóng góp tiền nuôi con chung. Chị C yêu cầu

anh đóng góp tiền nuôi con chung, anh không đồng ý vì anh có nguyện vọng mỗi người nuôi 01 con. Anh đồng ý trả khoản nợ 500 triệu đồng cho bố mẹ anh.

Bà L giữ nguyên yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh L và chị C mỗi người phải trả cho ông bà 500 triệu đồng và tự nguyện không yêu cầu tiền lãi. Bà tự nguyện cho anh chị trả khoản tiền trên trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm. Anh L và chị C tự nguyện chấp thuận ý kiến bà L về thời hạn thanh toán khoản nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử. Xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng. Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện quy định của pháp luật. Về thời hạn xét xử có quá hạn nhưng có yếu tố khách quan vụ án bị kéo dài do các đương sự nhiều lần thay đổi ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và do nguyên đơn ở xa.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, đảm bảo việc tranh tụng đúng quy định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Vũ Hoàng L có đăng ký kết hôn tại UBND phường P quận T, Thành phố H, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là có căn cứ. Đây là vụ án Tòa án có thu thập chứng cứ theo điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015, Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xét xử. Hồ sơ vụ án đã đủ điều kiện đưa vụ án ra xét xử.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Vũ Hoàng L.

1. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là: Vũ Hà A sinh ngày 15/11/2011. Cháu Vũ Thanh Thanh C, sinh ngày 09/2/2015. Khi ly hôn, chị C và anh L đều xin nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi chính đáng của các con. Từ khi sinh ra cho đến nay, các cháu cùng ăn ở sinh hoạt với nhau nên khi xem xét người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì cần giao cả 02 con cho người đó. Từ năm 2016 đến nay, các cháu đều ở với mẹ, dù thiếu sự chăm sóc trực tiếp của bố nhưng các cháu vẫn được mẹ chăm sóc đảm bảo cuộc sống tốt nhất. Xét thấy không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống của 02 con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 03/2018 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Về yêu cầu cấp dưỡng của chị C là chính đáng, căn cứ thu nhập của anh L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức đóng góp là 10 – 15 triệu đồng/ tháng đối với anh L để nuôi dưỡng 02 con chung kể từ tháng 03/2018 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

2. Về tài sản và nhà ở chung: anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về công nợ:

- Đề nghị Hội đồng xét xử xác nhận anh Vũ Hoàng L và chị Nguyễn Thị Kim C có vay của ông H, bà L số tiền 01 tỷ đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 08/11/2013. Anh L, chị C mỗi người phải trả số tiền 500 triệu đồng cho ông H và bà L trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm theo đúng thỏa thuận của các đương sự. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà L tự nguyện không yêu cầu anh L chị C phải trả số tiền lãi của số nợ trên.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh L và chị C mỗi người phải nộp 24.000.000đ án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả nợ. Anh L phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Ông H và bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Ông Vũ Hoàng H là người có quyền lợi liên quan trong vụ án, đã có lời khai tại Tòa và xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nhận tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa xét xử. Ông H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Ông ủy quyền cho bà L đại diện tham gia tố tụng và có toàn quyền thay mặt ông quyết định các vấn đề liên quan. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Kim C và anh Vũ Hoàng L kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận T, Thành phố H ngày 21/01/2008, trước khi kết hôn chưa ai có vợ, có chồng. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị thuận tình ly hôn là phù hợp với điều 55 – Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị C, anh L cùng xác nhận: anh chị có 02 con chung là: Vũ Hà A sinh ngày 15/11/2011; Vũ Thanh Thanh C sinh ngày 09/2/2015. Hiện 02 con đang ở với chị C, sức khỏe tốt.

Chị C có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh L phải đóng góp tiền nuôi con chung là từ 15 – 20 triệu đồng/tháng. Anh L có nguyện vọng được

nuôi một trong hai con chung. Anh không yêu cầu chị C đóng góp tiền nuôi con chung. Anh không đồng ý với ý kiến chị C về việc đóng góp tiền nuôi con chung.

Xét thấy: Việc giao con cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng chăm sóc sau khi ly hôn phải đảm bảo đầy đủ và toàn diện cuộc sống cho con chung. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: chị C hoạt động kinh doanh là Tổng giám đốc công ty C, thu nhập một tháng là 100.000.000 đồng/tháng. Anh L đang làm Giám đốc chi nhánh miền Bắc của Công ty T đồng thời là Trưởng phòng bán hàng của Công ty A. Lương của anh là 40.000.000 đồng/tháng. Thu nhập bình quân kể cả thưởng là 70.000.000đồng/tháng. Như vậy về điều kiện vật chất anh chị đều đảm bảo được cuộc sống của các con chung.

Tại đơn yêu cầu ngày 04/12/2017 cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa, chị C tha thiết đề nghị được nuôi cả 02 con chung và đảm bảo sẽ chăm lo đầy đủ cuộc sống cho hai con. Chị không muốn thay đổi môi trường học tập hiện đang rất tốt của cháu Vũ Hà A. Đối với cháu C hiện còn nhỏ là con gái cần có sự chăm sóc của người mẹ. Mặt khác, nhiều lần chị cho con ra H chơi với bố và ông bà nội nhưng anh L thường xuyên đi công tác hoặc đi chơi khuya, con chỉ ở nhà với ông bà nội hoặc người giúp việc nên không đảm bảo chăm sóc con đầy đủ và chị không yên tâm khi giao con chung cho anh Linh nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi anh chị mâu thuẫn căng thẳng, chị C đưa 02 con chung vào Thành phố H sinh sống và ở đó cho đến hiện tại. Trong thời gian đó (từ năm 2016 cho đến nay), chị C đảm bảo chăm sóc các con tốt, phát triển tốt về thể chất. Các con ở cùng chị trong môi trường rộng rãi, thoáng mát và hiện đại. Hiện cháu Vũ Hà An đang học tại trường Q tại thành phố H. Cháu đạt kết quả học tập tốt. Ngoài ra chị còn cho con học các môn nghệ thuật (đàn), bơi để con phát triển toàn diện hơn. Bản thân các cháu là con gái và còn nhỏ, việc các cháu được ở cùng nhau và được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ sẽ đảm bảo hơn về tâm sinh lý khi tách mỗi cháu một nơi. Mặt khác trong quá trình hòa giải tại Tòa án, nhiều lần anh L cũng đồng ý đề chị C nuôi cả 02 con chung, nhưng sau đó do anh chị không thỏa thuận được về một số vấn đề khác (về nợ chung) nên anh L thay đổi không đồng ý để chị C nuôi cả 02 con chung. Ý kiến của anh L xin nuôi 1 trong 2 cháu (anh không đồng ý nuôi cả hai vì điều kiện của anh chỉ đáp ứng tốt khi nuôi 01 cháu) sẽ phải tách 02 cháu mỗi người một nơi. Anh L cũng thừa nhận trong thời gian chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung các cháu phát triển tốt về thể chất tinh thần nhưng chị C chưa có nhiều thời

gian quan tâm đầy đủ đến các con tuy nhiên anh L không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào về việc chị C bỏ bê, không chăm sóc các con. Quá trình chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vào các dịp nghỉ lễ, Tết chị vẫn cho 02 con ra H chơi, thăm ông bà và ở lại cùng bố. Có một số lần anh L vào Thành phố H công tác nhưng các con đi học nên anh L không gặp được chứ không phải chị cố tình không cho anh L gặp gỡ các con. Tại phiên tòa hôm nay chị C cũng cam kết, nếu chị được nuôi cả 02 con chung chị sẽ tạo mọi điều kiện để anh L được thăm và chăm sóc con chung. Hội đồng xét xử xét thấy trong 02 năm chị C trực tiếp nuôi dưỡng con chung đã thể hiện chị nuôi dạy con đầy đủ, tốt nhất về thể chất, tâm sinh lý, môi trường sống và học tập nên đề nghị của chị C được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là có cơ sở. Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 03/2018 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: chị C yêu cầu anh L đóng góp tiền nuôi con chung là 15 – 20 triệu đồng/tháng. Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị C là chính đáng, căn cứ thu nhập của anh L Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, điều 82 – Luật hôn nhân gia đình chấp nhận mức đóng góp là 15 triệu đồng/ tháng đối với anh L để nuôi dưỡng 02 con chung kể từ tháng 03/2018 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản và nhà ở chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L có đơn đề nghị chia tài sản chung. Ngày 29 tháng 06 năm 2016 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Tr- ng đã thụ lý vụ án bổ sung và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau nhiều lần hòa giải, ngày 12/12/2017 Tòa án nhận được đơn đề nghị của anh Vũ Hoàng L đề ngày 13/11/2017 xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên tòa ngày 30/01/2018, chị C và anh L có bổ sung yêu cầu khởi kiện. Ngày 27/2/2018, anh Linh có đơn đề nghị xin rút toàn bộ các yêu cầu chia tài sản chung. Việc rút đơn đề nghị xin chia tài sản chung của anh L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với khoản 4, điều 70 –Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Dành quyền khởi

kiện về việc chia tài sản chung đối với anh chị bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Về công nợ:

- Xét yêu cầu độc lập của ông Vũ Hoàng H và bà Đoàn Thị Bích L:

Theo giấy vay tiền đề ngày 08/11/2013 có nội dung: Anh Vũ Hoàng L và chị Nguyễn Thị Kim C có vay của ông Vũ Hoàng H và bà Đoàn Thị Bích L số tiền 1,5 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh. Thời gian chậm nhất là 02 năm kể từ ngày vay tiền, anh chị cam kết thanh toán khoản vay. Các đương sự đều xác nhận, anh L và chị C đã nhận 01 tỷ đồng của ông H và bà L. Quá trình giải quyết tại Tòa án, Ông H xin vắng mặt và có lời khai xác nhận ý kiến của bà L là đại diện cho ý kiến của ông và có toàn quyền quyết định những vấn đề liên quan đến khoản nợ. Tại đơn đề nghị chia tài sản chung đề ngày 25/5/2016, anh Vũ Hoàng L đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị C phải trả cho bố mẹ anh số tiền 500 triệu đồng theo giấy vay trên. Ông Hà và bà Liên tự nguyện không yêu cầu anh L chị C phải trả số tiền lãi của số nợ trên. Chị C xác nhận vợ chồng chị có vay của bố mẹ chồng là ông Vũ Hoàng H và bà Đoàn Thị Bích L số tiền là 01 tỷ đồng để đầu tư kinh doanh. Hiện chị không có khả năng trả ngay nên chị đề nghị được trả dần số tiền này cho đến khi hết số nợ.

Xét thấy: Anh L, chị C đều xác nhận có vay của ông H, bà L số tiền 01 tỷ đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 08/11/2013. Anh chị có cam kết trả chậm nhất sau 02 năm, đến nay đã quá thời hạn trả. Theo quy định tại điều 474 - Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả tiền khi vay nợ đến hạn, anh L và chị C phải có nghĩa vụ trả số tiền 01 tỷ đồng cho ông H và bà L, mỗi người phải trả 500 triệu đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông H, bà L tự nguyện không yêu cầu anh L chị C phải trả số tiền lãi của số nợ trên. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà L, ông H (do bà L đại diện) anh L, chị C về thời hạn thanh toán là 03 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

- Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim C:

Ngày 20/11/2017, Tòa án nhận được đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim C với nội dung cụ thể như sau:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung đối với Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/8/2015 với nội dung vay số tiền là: 4.972.934.733 đồng trong thời hạn vay là 300 tháng.
- Yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ 04 tỷ đồng với bà Đỗ Thị M.
- Yêu cầu anh L cùng chi trả các khoản chi phí để nuôi dạy hai bé Vũ Hà A và Vũ Thanh Thanh C (có bảng kê chi tiết kèm theo).

Ngày 04/12/2017 Tòa án nhận được đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị Kim C có nội dung xin rút toàn bộ các yêu cầu trên. Tại phiên tòa ngày 30/01/2018, chị C thay đổi, bổ sung: chị lại đề nghị giải quyết các yêu cầu trên. Ngày 22/2/2018, chị C có đơn xin rút toàn bộ các yêu cầu bổ sung như trên. Tại phiên tòa hôm nay chị C xác nhận chị xin rút toàn bộ các yêu cầu bổ sung về nợ và tiền chi phí nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc rút đơn đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề nêu trên của chị C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với khoản 4, điều 70 – Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi chị C có yêu cầu.

Ngoài khoản công nợ trên, chị C và anh L xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Vũ Hoàng L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án. Anh L và chị C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Anh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp sau khi trừ đi tiền án phí phải chịu. Ông H và bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị C, anh L, bà L, ông H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 5, Điều 28; Điều 68; Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 228; Khoản 1, Điều 246; điểm a khoản 1 Điều 254; Điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1, điều 474; Điều 477 – Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Khoản 1, Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ khoản 6, 8, 10, Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Mục 1; khoản c, mục 2 phần I - Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-YBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim C và anh Vũ Hoàng L .

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là: Vũ Hà A sinh ngày 15/11/2011, Vũ Thanh Thanh C, sinh ngày 09/2/2015. Giao cả 02 con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 03/2018 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là 15 (mười lăm) triệu đồng/tháng kể từ tháng 03/2018 cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản và nhà ở chung: chị C và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ:

- Xác nhận anh Vũ Hoàng L và chị Nguyễn Thị Kim C có vay của ông Vũ Hoàng H và bà Đoàn Thị Bích L số tiền 01 tỷ đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 08/11/2013. Anh L, chị C mỗi người phải trả cho ông H và bà L số tiền 500 (năm trăm) triệu đồng trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/3/2018). Ghi nhận sự tự nguyện của ông H và bà L tự nguyện không yêu cầu anh L, chị C phải trả số tiền lãi của số nợ trên.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả nợ được trừ vào số tiền 200.000đ tạm ứng án phí chị C đã nộp tại biên lai số AL/2010/0009500 ngày 24/03/2016 của cơ quan Thi hành án dân sự quận H, Hà Nội. Chị C còn phải nộp 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng). Anh L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 24.000.000đ (Hai mươi tư triệu đồng) án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả nợ được trừ vào số tiền 54.230.000đ (năm mươi tư triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp tại biên lai số: AA/2014/01291 ngày 29/6/2016 của cơ quan Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Anh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 30.030.000đ (ba mươi triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Ông H và bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000đ (hai mươi triệu đồng) theo biên lai số: AC/2015/0003587 ngày 06/2/2018 của cơ quan Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị C, anh L, bà L, vắng mặt ông H. chị C, anh L, bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND thành phố H

- VKSND quận H;

- UBND phường P, T, H

(GCNKH số: 10/2008, quyền 01/2008

Ngày 21/01/2008).

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Đỗ Thị Hồng H